

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 38

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta vẫn đang nghe đến kinh văn số 50:

Kinh văn 50: **“Ngũ căn trang nghiêm cố, Thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận, đoạn chư phiền não”**
(Nghĩa là: Dùng ngũ căn trang nghiêm, lòng tin sâu kiên cố, tinh cần không biếng nhác, thường không mê vọng, tĩnh lặng điều hòa, đoạn tất cả phiền não).

Xin nhắc lại Ngũ căn là “Tín – Tấn – Niệm – Định – và Huệ”. Chúng ta đã nghe xong ba căn đầu là “tín, tấn, và niệm”. Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về căn thứ 4 là “Định căn”)

Thứ tư “Định căn”. Định căn tức là “Nhiếp tâm chánh trợ, tương ưng bất tán”. Không chỉ pháp môn Tịnh Độ mà bất kỳ pháp môn nào cũng có chủ tu và trợ tu. Thế nào gọi là “Định”? Tâm của chúng ta định ở pháp môn tu học, nhất định không dễ dàng thay đổi. Có thể khế nhập khá sâu vào Phật pháp mới có thể lý giải được Phật dạy là “Pháp môn bình đẳng, không phân cao thấp”. Cho nên sau khi chúng ta chọn định một môn thật sự có thể làm đến “nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu” thì định này mới có gốc, có gốc rồi mới lớn lên, khai hoa kết quả. Từ xưa đến giờ, người tu học không có thành tựu, nguyên nhân nghiêm trọng nhất là không có định căn, tâm dễ lay động mà theo cách nói thời nay là thích quá nhiều thứ, cái này cũng thích, cái

kia cũng thích thể nên tinh lực và thời gian sẽ bị phân tán, nên gọi là “môn môn thông, môn môn túng” nhưng không vững gốc.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải hiểu được ở giai đoạn hiện tại chúng ta không thể “quảng học đa văn” (*là học rộng, nghe nhiều*) mà chỉ có thể “nhất môn thâm nhập”. Kinh văn dạy “quảng học đa văn” là đối với ai? Là đối với Pháp Thân Bồ Tát. Hôm nay chúng ta lựa chọn pháp môn “Trì danh niệm Phật” của Tịnh tông thì phải khởi định căn ngay trong pháp môn này; nhưng thực tế vốn không dễ gì! Vì sao vậy? Vì sự quá đơn giản nên người không dễ gì tin tưởng; vì lý quá thâm sâu, không dễ gì lý giải thấu triệt. Thế nhưng hiệu quả của việc niệm Phật hết sức rõ ràng, ngay đến người không biết chữ cũng có thể thành thật niệm Phật để rồi đều thành tựu cả.

Chúng ta thường nghe nhắc đến người thợ vá nồi_ học trò của lão Hòa Thượng Đế Nhàn. Ông chỉ thành tâm niệm một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” nhưng Ngũ lực Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ của ông đều đủ đầy cả. Ông tin vào lời dạy của lão Hòa Thượng mà chẳng chút hoài nghi. Lão Hòa Thượng dạy ông “Niệm Phật đến khi nào mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì lại tiếp tục niệm”_ đây chính là tinh tấn. Thật sự xuyên suốt ngày đêm niệm niệm không quên Phật hiệu, ấy chính là thành tựu niệm lực. Một lòng chuyên chú, không xen tạp vọng tưởng nào, ấy chính là thành tựu định lực. Cho nên, niệm trong ba năm ông ấy có thể thành tựu, đứng mà vắng sanh.

Chúng ta sanh ra trong thời đại này là một thời đại bi thương! Chúng ta chúng ta thử bình tâm quan sát xã hội này, đại chúng xã hội đã nghĩ gì, nói gì và làm ra những gì? Toàn là tự tư tự lợi, danh tiếng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân, si, mạn. Thật tệ hại biết bao! Những thứ này ngày càng nhiều, càng nhanh và càng lan rộng hơn, hậu quả là dẫn đến cái gọi là “ngày tận thế” mà các tôn giáo thường nhắc đến. Tuyệt không phải điều mê tín.

Thế nhưng chúng ta vô cùng may mắn, thực sự đã tu được thiện căn phước đức nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay nên ở thời đại này mới gặp được chánh pháp. Cho nên, chỉ cần chúng ta kiến lập Ngũ căn thì đời này chắc chắn thoát được ách nạn, mà dầu đại kiếp đến thì cũng có thể tùy lúc

vãng sanh Tịnh Độ và chắc chắn được vãng sanh. Ngay lúc này đây, thân ta lưu lại thế gian chỉ vì một việc, đó là trụ trì chánh pháp. Trụ trì chánh pháp chính là y theo chánh pháp tu hành, sống một ngày thì tu một ngày. Còn hồng dương chánh pháp chính là giáo hóa chúng sanh và trụ trì cũng chính là hồng dương. Trụ trì nghĩa là làm gương cho người khác noi theo, là trợ đạo (tức “đoạn hết thầy ác, làm tất cả thiện”).

Tiêu chuẩn của thiện – ác chung quy chính là dựa theo “Thập thiện nghiệp đạo”. Chúng ta phải làm sao để mỗi câu, mỗi từ hoàn toàn trở thành ý nghĩ, lời nói, hành động của mình và thực hành nó trong đời sống thực tế. Giữ cho tâm mình không gì khác chính là niệm niệm không quên “A Di Đà Phật”, không ngừng nghĩ về thế giới Tây phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Đó chính là “chánh đạo”. Còn “trợ đạo” là sao? Là niệm niệm không quên chúng sanh khổ nạn, vì chúng sanh mà giữ mình làm gương giúp họ giác ngộ. Cách làm này là vô lượng công đức, đây chính là “trợ đạo”. Muốn vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì phải Phước – Huệ song tu, vì thế giới đó là nơi ***“chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”*** (là các bậc thượng thiện tụ hội một chỗ). “Thượng thiện” thì chắc chắn phải phước huệ đầy đủ, viên mãn. Chúng ta làm tấm gương cho người khác, giáo hóa tất cả chúng sanh, ấy chính là “phước đức”; một lòng xưng niệm A Di Đà Phật chính là “Định – Huệ”. Có Phước, có Định, có Huệ chắc chắn sẽ thành tựu.

Thứ năm “Huệ căn”. Mười thiện nghiệp thực hành vào Huệ căn sẽ có được năng lực phân biệt thiện – ác. Thiện – ác của thế xuất thế gian không dễ phân biệt, không có trí huệ chân thật thì dễ nhầm thiện pháp xem là ác pháp, ác pháp xem là thiện pháp. Những chuyện như vậy, trước giờ dù trong hay ngoài nước, chúng ta thấy quá nhiều rồi, kể sao cho xiết. Bất kể pháp nào của thế xuất thế gian, muốn thành tựu không thể không có trí huệ. Trước hết phải có trí huệ quan sát căn tánh của chính mình, thứ nữa là phải tùy vào căn tánh của mình mà lựa chọn pháp môn; chọn được pháp môn rồi mới chọn thầy theo học. Đây là trình tự, còn nếu làm loạn trình tự thì làm sao thành tựu được. Cho nên bất luận theo học theo pháp nào của thế xuất thế gian đều

phải dùng trí huệ mà lựa chọn. Cả đời ta lựa chọn đi đường nào thì nhất định phải đi thông con đường ấy.

Dù thế pháp hay Phật pháp cũng đề không thể bỏ qua nền tảng. Nền tảng của Phật pháp là tất cả Kinh giáo mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã dành cả đời giảng giải. Ngoài ra, kinh luận của cổ Thánh tiên Hiền của Trung Quốc cũng không ít, đều là mấy ngàn năm trí huệ kết thành kinh nghiệm của Tổ tông nhờ vào Kinh điển lưu truyền lại. Đó cũng chính là nền tảng của dân tộc Trung Hoa. Ngạn ngữ có câu *“Không nghe lời người xưa, chịu thiệt ngay trước mắt”*, cũng như người học Phật không tin vào lời Phật, người theo Nho giáo không tin lời Khổng Tử, người tu Đạo giáo không tin vào lời dạy Trang Tử, vậy nên chịu thiệt, thế gian liền có kiếp nạn đến. “Lời người xưa” chính là lời dạy của cổ Thánh tiên Hiền, là kiến thức chân thật, là trí huệ chân thật. Lời dạy ấy đã được truyền lại mấy ngàn năm, nếu không phải là chân thật thì đã sớm bị đào thải rồi, sao có thể lưu truyền đến tận ngày nay? Cho nên, lời dạy được truyền tụng lại mấy ngàn năm đều là trí huệ chân thật, là lời giáo huấn thiện nhất. Đó cũng là huệ căn của người Trung Quốc.

Khi Phật pháp Đại thừa lưu truyền vào Trung Quốc đã hoàn toàn được Trung Quốc hóa, trở thành Phật pháp Trung Quốc. Có thể nói, những chú sớ kinh luận của Đại Đức Tổ sư đã dung hội, quán thông học thuyết Nho gia, Đạo gia, Bách gia chur tử vào Phật pháp và trở thành chỉnh thể trí huệ. Chúng ta không có trí huệ tức là không có năng lực lựa chọn con đường đạo phải đi này; không có trí huệ tức là không cách nào thân cận “minh sư, lương hữu” (là thầy giỏi bạn lành); chúng ta cũng không hiểu nên dùng thái độ gì để học tập, chứ nếu cứ tùy thuận tập khí của bản thân thì chắc chắn thất bại.

Nên tôi thường khuyến khích các đồng tu, chúng ta là phàm phu chưa minh tâm kiến tánh, chưa thoát khỏi mười pháp giới, chỉ có một một con đường chánh là dựa vào Phật, Bồ tát, nghe theo giáo huấn của Phật, Bồ tát, giáo huấn của Thánh nhân; nhất định không được tùy thuận vọng tưởng, tập khí của bản thân. Giống như đi đường vậy, chúng ta không quen thuộc đường đi nhưng Phật, Bồ Tát lại biết rõ đường đi, các Ngài ấy đi trước, chúng ta theo sau, chắc chắn không thể sai đường. Đến lúc quen thuộc đường đi rồi thì

có thể không cần theo sau các vị ấy nữa. Còn lúc tự mình không biết đường đi nếu không theo người dẫn đường, cứ theo ý mình thì thật không biết sẽ tới nơi nào. Đạo lý này luôn phải hiểu.

Phải có thái độ học tập tốt, thành tựu chính mình vì thành tựu chính mình cũng là thành tựu chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát, Đại Đức Tổ sư hy vọng mỗi người chúng ta đều được thành tựu thù thắng ngay trong một đời nên các vị ấy cả đời tu trì, giảng Kinh, thuyết pháp, trước tác diễn thuật lưu truyền cho hậu thế mà mục đích không gì ngoài việc giúp người học sau có thể giảng đại đạo, khế nhập cảnh giới của chư Phật chứ không hề có chút tư tâm (là tâm nghĩ cho mình). Ấy chính là chân thiện tri thức vậy.

“Huệ căn” là từ “Định căn” phát ra. Ngũ căn gồm: Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ cũng giống như năm tầng lầu vậy, không có tầng thứ tư thì sao có tầng thứ năm? Từ đó có thể thấy, tu được Huệ căn là điều không dễ dàng. Mà “Tín căn” được xây dựng từ đâu? Từ mười hai đạo phẩm của ba nhóm (Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc) đã giảng ở phần trước mà dựng thành. Nên nói Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ mà chúng ta hiện có đây đều không có căn vì chúng ta chưa thực sự tu Niệm xứ, Chánh cần và Thần túc. “Niệm xứ” là nhìn thấu, “Thần túc” là buông xả; không thể nhìn thấu, không thể buông xả thì sao gọi là có căn được? Mà nhìn thấu, buông xả có thể sanh căn thì mấu chốt ở “Chánh cần”, cũng chính là đoạn ác tu thiện. Chỉ có thật lòng phát tâm đoạn ác tu thiện thì Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ của chúng ta mới thực sự có căn.

Chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này mà không dựa vào phương pháp cũ là không thể được. Đây là phương pháp cũ mà Đức Phật giáo hóa chúng sanh, mấy ngàn năm nay dù tu tại gia hay xuất gia đều phải dựa vào phương pháp cũ mà thành tựu; phạm là theo cái mới thì đều thất bại cả. Nên có câu **“Phật Phật đạo đồng”** tức Phật Phật đều đi trên một con đường. Hy vọng chúng ta suy nghĩ kỹ càng, phát tâm học Phật, theo Phật học tập, tuân theo giáo huấn Phật Đà, y giáo phụng hành. Vậy mới thực là chân thật học Phật.

“Thâm tín kiên cố” (nghĩa là tin sâu kiên cố). Tôi học Phật bảy năm mới xuất gia, xuất gia thì liền dạy ở viện Phật học, dạy được hai năm mới thọ giới. Sau khi thọ giới thì đến Đài Trung thăm Thầy Lý Bình Nam, từ xa Thầy thấy tôi, chỉ vào tôi rồi nói:

- Ông phải tin Phật!

Lúc đó tôi ngẩn người ra, sau đó thì Thầy mới giải thích cho tôi rằng:

- Tin Phật không dễ.

Nên chúng ta thử tự nghĩ xem, chúng ta đã tin Phật hay chưa? Người nào mới được gọi là “tin Phật”? Người y giáo phụng hành thì được gọi là người thực sự tin Phật.

Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Đại sư Ngẫu Ích từng giảng về sáu loại tín:

Cấp tín thứ nhất là “Tin mình – tin người”:

“Tin mình” là tin chính mình có Phật tánh, Phật chủng. Tin chính mình như vậy thì chắc chắn có thể thành Phật. Đây là tâm Vô thượng Bồ Đề.

Còn “Tin tha”, tha ở đây là “Thầy”, chính là Phật. Tuy Phật không còn tại thế nhưng lời dạy của Ngài vẫn còn lưu truyền. Chúng ta đọc tụng Kinh Phật cũng như nhìn thấy Phật, lật mở Kinh Phật cũng như đang nghe giáo huấn của Phật. Mỗi câu mỗi từ Phật dạy chúng ta đều là tánh đức tự tánh của chúng ta, vì đức năng trí huệ vốn có đủ trong chúng ta chứ không phải từ bên ngoài đến. Phật thì minh tâm kiến tánh, chúng ta thì mê hoặc điên đảo. Dứt bỏ mê ngộ thì không cần bàn nữa rồi, trí huệ đức năng vốn tự tánh có đủ, không có khác biệt.

Trong Kinh có dạy **“Tự tánh vốn đủ đức năng, ở Thánh không tăng, ở phàm không giảm”** tức đều là viên mãn đầy đủ vậy. Thánh nhân thì giác ngộ rồi nên khởi tâm động niệm lời nói việc làm trong đời thường hay trong công việc, đối nhân, xử thế, tiếp vật đều vận dụng được lời Phật. Chúng ta mê mất tự tánh nên dù có cũng không dùng được. Cái chúng ta dùng chỉ có vọng

tưởng, phân biệt và chấp trước. Sai là sai ngay chỗ này. Chư Phật, Bồ tát vốn không rời xa thế gian, vấn đề là trong mắt của phàm phu không nhận biết được. Ngày nào đó chúng ta giác ngộ rồi mà trong Tông môn gọi là “đại triệt đại ngộ” thì tự nhiên quán sát được chung quanh ta đều là chư Phật, Bồ tát; những lời dạy trong bộ Đại Tạng Kinh tự nhiên hiển hiện sống động trong phạm vi đời sống chúng ta; những điều mà lục căn tiếp xúc đều là lời dạy trong Đại kinh đại luận của chư Phật Như Lai. Như vậy chính là “tin tha”. “Tin mình” – “tin tha” là một chẳng phải hai khác biệt. Đây là cặp “Tín” thứ nhất.

Cặp “Tín” thứ hai dạy về “Tin sự – tin lý”:

Vốn có câu “Sự hữu lý vô” (là sự có lý không) nên “sự” này là cái huyền có hoặc gọi là “Diệu hữu”; “lý vô” thì “lý” là không tịch còn gọi là “Chân không”. “*Chân không bất không, Diệu hữu phi hữu*” (tức là “Chân Không chẳng phải là không, Diệu Hữu chẳng phải là có), đây cũng chính là “chân tướng sự thật” mà chúng ta hay đề cập đến.

Cặp “Tín” thứ ba dạy về “Tin nhân – tin quả”:

Nhân quả là chân lý vĩnh hằng bất biến của pháp thế xuất thế gian. Vì thế khi chúng ta khởi tâm động niệm, tạo tác hành động thì không thể không chú ý. Trồng thiện nhân ắt sinh thiện quả. Tiếc thay, thật sự là ngày nay chúng ta mê hoặc điên đảo, không có năng lực phân biệt thiện – ác, thường cho thiện là ác rồi lại cho ác là thiện. Đây chính là “vọng tưởng, điên đảo” mà Đức Phật hay nói. Nếu lòng tin của chúng ta có căn thì trong lòng tin ấy có mười thiện nghiệp, biến mười thiện thành hành động thực tế trong đời sống thường ngày. Những giới điều Đức Phật giảng dạy vốn là đức năng có đủ trong tự tánh chúng ta, lẽ nào chúng ta lại không làm được điều dạy ấy! Không phải Phật, Bồ tát cố đặt ra những chế định này để ràng buộc chúng ta, chỉ là các vị ấy muốn giúp chúng ta tiêu trừ phiền não tập khí, khôi phục lại tánh đức, khôi phục trí huệ đức năng vốn có đủ của tự tánh mà thôi. Trước hết chúng ta phải tin rồi sau mới hoan hỷ tiếp nhận, thật tâm dụng công, loại trừ lỗi lầm bản thân, phục hồi đức năng chính mình. Cho nên, trong “Tín” có

đầy đủ mười thiện, đem mười thiện nghiệp thực hành vào “Tín căn”. **“Thâm tín kiên cố”** chính là lòng tin không dao động.

Lời dạy là **“Tinh cần phỉ giải”** (Nghĩa là tinh tấn chuyên cần, không biếng nhác trễ nải) thực hành mười thiện nghiệp vào Tấn căn. Thế nhưng hiện nay chúng ta lại giải đãi, lười biếng, đây chính là phiền não tập khí làm tinh thần không thể đề khởi. Vậy nguyên nhân do đâu? Vì trong tinh tấn của chúng ta không có mười thiện hay nói cách khác đó là sự tinh tấn trống rỗng, không có nội hàm nên dù muốn cũng không thể tinh tấn được. Còn như tinh tấn có đầy đủ mười thiện thì tự nhiên tinh tấn sẽ đầy đủ nội hàm, ấy mới thực là tinh tấn!

Trong Đại kinh thường dạy “Tự – Tha bất nhị” (Nghĩa là: mình và chúng sanh là một chẳng phải hai khác biệt”), độ cho người cũng chính là độ cho mình, độ cho mình cũng chính là độ cho chúng sanh; mức độ cao nhất của “Tự – Tha bất nhị” chính là “Sanh – Phật bất nhị” (nghĩa là: “Chúng sanh” và “Phật” là một chẳng phải hai).

“Thường vô mê vọng” (là thường không mê vọng) là thành tựu của niệm căn. Từ đó chúng ta hiểu rằng, ngày nay chúng ta còn mê lầm thường xao lãng đó là vì “niệm” không có căn. Chữ “Niệm” (theo Hán tự) gồm trên là chữ “kim” (hiện tại, ngay trong lúc này), dưới là chữ “tâm” tức là *“đương hạ nhất niệm”* (*“đương hạ”* là nói tới *“nhất niệm khoảnh”* là trong khoảng một niệm, tức là một phần của một ngàn sáu trăm triệu phần trong một giây, Vì sao nói thế? Trong Bồ Tát Xứ Thai Kinh, Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Bây giờ chúng ta quen dùng giây, một giây chúng ta khảy được mấy lần? có thể khảy được 5 lần, 5 nhân 320 là 1600 triệu. Một giây, có 1600 triệu ý niệm, có rất nhiều ý niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Cho nên có câu *“Tam thế cổ kim, bất ly ư đương niệm”* (nghĩa là ba đời xưa nay chẳng rời một niệm ngay trong hiện tại). *“Đương niệm”* này chính là *“đương hạ nhất niệm”* (nghĩa là một niệm ngay trong hiện tại). Đây mới là nghĩa gốc của “niệm”, niệm niệm không khi nào quên.

Phật dạy trong lục đạo phàm phu có được một niệm chân thật “thường vô mê vọng” thì chính là “ngã”, cho nên “Mạt - na Thức” (tức Thức thứ bảy) chính là “ngã chấp”, là sự chấp trước kiên cố mà bất kể khi nào, ở đâu cũng khởi sinh liên tục. Nếu như đoạn được ý niệm về cái “ngã” chắc chắn thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Đức Phật dạy chúng ta phải chuyển đổi ý niệm này và trong số tất cả pháp môn thì pháp môn niệm Phật là thù thắng nhất. Có thể chuyển “ngã” thành “Phật” thì kiếp này nhất định được thành tựu. Vì không phải niệm “ngã”, mà là niệm “Phật” nên được gọi là “pháp môn niệm Phật”, nói rộng ra thì trong vô lượng pháp môn Phật, Bồ tát giảng không có pháp môn nào không phải là pháp môn niệm Phật cả.

Niệm A Di Đà Phật cầu vãng sanh cõi Tây Phương Tịnh Độ là pháp môn niệm Phật đặc biệt nhất trong tất cả pháp môn niệm Phật, vì nó đã được Thế Tôn lựa chọn để giúp chúng ta được thành tựu viên mãn ngay trong đời này. Phật thường dạy rằng **“Nhất thiết pháp tông tâm tướng sanh”** (nghĩa là tất cả các pháp đều do tâm tướng sanh ra) vậy tại sao chúng ta lại không “tướng” Phật? Sao không niệm Phật? Sao còn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng về những thứ khác? Chúng ta sai là sai ở chỗ này. Phật dạy chúng ta phải nhìn thấu. Cái gọi là “nhìn thấu” chính là nhìn thấu tường tận chân tướng nhân sanh, vũ trụ. Nhìn thấu rồi mới có thể buông xả. Buông xả cái gì? Buông xả tất cả vọng tưởng, phân biệt và chấp trước rồi, thì tâm chúng ta lại khôi phục về chân tâm. Tông môn gọi đó là cảnh giới “minh tâm kiến tánh” hiện tiền, vì kiến tánh chính là Phật. Từ đó có thể thấy, chương ngại lớn nhất của chúng ta không phải là ngoại cảnh mà là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình. Chánh niệm của chúng ta không thể hiện tiền đều là do những thứ này cản trở.

Người nào chắc chắn sẽ được thành tựu ngay trong đời này? Từ kinh nghiệm của tiền nhân, ta có thể nghiệm ra được: những người ngày đêm sáu thời không quên câu niệm “A Di Đà Phật”, lòng không chút tạp niệm là người có thể thành công. Còn chúng ta ngày nay thì sao? Ngoài câu “A Di Đà Phật” còn lại toàn là vọng niệm. Vậy nên Niệm Phật đường của Tổ sư chỉ có

một câu Phật hiệu, trong niệm Phật đường không giảng kinh, đúng như câu *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”*. Niệm Phật đường không phải là nơi mà người thường có thể vào, vì họ vào là vì muốn kết duyên chứ không phải thực lòng dụng công. Còn người thật tâm dụng công đến đạo tràng của Tông môn là “tuyên Phật trường”, đến Niệm Phật đường của Tịnh Độ tông là “Thành Phật đường” tức đến đó là liền thành Phật. Từ những điều này chúng ta có thể hội được sự thù thắng, trang nghiêm và bản chất của đạo tràng này.

Nếu chúng ta không hội đủ những điều kiện này, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không thể không cầu giáo. Khi Thế Tôn còn tại thế, Ngài có 49 năm thuyết kinh giảng pháp mà không có Thiên đường, cũng không có Niệm Phật đường mà chỉ có Giảng đường. Giảng đường chính là nơi giúp chúng ta nhìn thấu, sau khi nhìn thấu rồi tự nhiên có thể buông xả rồi thì tự mình dụng công. Điều này cho thấy sự chú trọng giáo dục. Những tập khí, phiền não của chúng ta vốn đã có từ trong vô lượng kiếp, dầu muốn cũng không đoạn được. Chúng ta đều rõ rằng đoạn được chúng đâu phải dễ dàng, vì chúng ta chỉ mới ở Giáo hạ hạ công phu, mà ngay cả giáo hạ hạ công phu cũng cần hiểu phương pháp, nếu không hiểu phương pháp thì cả đời nỗ lực cũng lãng phí, chẳng thể khế nhập.

Tu học nhất định không được tham nhiều, tối kỵ nhất là làm “thông gia”, thông hết mọi Kinh luận nhưng rốt cuộc chẳng thông được điều gì, rồi thành ra chẳng lợi ích chi. Sau khi chúng ta “nhất môn thâm nhập” thì phải *“nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông”* (tức “thông một Kinh thì tất cả Kinh đều thông”), ấy chính là cảnh giới khế nhập. Thông hết tất cả kinh rồi vẫn phải chuyên tâm tu học một pháp môn. Đây chính là phương pháp của Phật, Bồ tát và bậc cổ Đại đức. Sau khi đã khế nhập thì vĩnh viễn không thể mê vọng, tức cái “niệm” này đã có “căn”. Niệm có căn thì lý nào lại không thành tựu! Niệm có căn cũng chính là *“tri chỉ nhi hậu hữu định” (nghĩa là: Biết được chỗ dừng, sau đó mới có thể định)* mà Nho giáo thường nhắc đến

Trong đó dưới “niệm” là “định”, còn “tri chỉ” là niệm”, tức “chỉ ư chí thiện” *(là chỉ dừng khi đạt được chí thiện)*”. Giáo học của nhà Nho tổng cương lĩnh chính là *“minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện” (nghĩa là: làm sáng*

cái đức sáng, thương yêu người dân, và chỉ dừng khi đạt được chí thiện). Đây cũng là cái đạo Không Tử dạy!

“Tịch nhiên điều thuận” (là tĩnh lặng điều hòa), đây là thực hành mười thiện nghiệp vào định căn đã khởi tác dụng. Thế xuất thế gian pháp nếu không có định căn, khác nào không có chí nguyện kiên định, vậy nên tâm cũng dễ lung lay, đứng núi này trông núi nọ, rất dễ bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc mà dao động tâm chí, cuối cùng thì thế xuất thế gian pháp đều không thể thành tựu. “Định”_ nói một cách đơn giản nghĩa là trong lòng đã có sẵn dự tính, trong nội tâm của mình có chủ tử. Chủ tử này không phải là thành kiến. Một vài người có thành kiến sâu đậm thì không dễ bị bên ngoài tác động nhưng “thành kiến” và Định hoàn toàn không giống nhau. Định là từ “Tín, Tấn, Niệm” mà thành; có Tín, Tấn, Niệm thì Định này mới là “Chánh Định”, không phải tà định; còn người có thành kiến sâu đậm giống như có định lực và cái định đó tà định. Chỉ có Chánh Định mới có thể dựng được thành công, lập được đại nghiệp và mang lợi ích cho tất cả chúng sanh. Điều này chúng ta phải tu học mới đạt được.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

Không làm các việc ác

Mỗi năm được bình an

Siêng làm các việc lành

Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: «duongdenhanhphuc»

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!